

Khóm Lan Hạc Đỉnh

Mặt trời đã sắp lặn sau rừng núi xa mờ trên biển cả, những đám mây nhuộm sắc hoàng hôn đã chuyển bầu trời phía Tây thành một màu hoàng kim rực rỡ. Những đợt sóng phản chiếu ánh nắng chiều còn vương vãi lại như giải lụa vàng quấn quít, nối tiếp sô nhau vào ghềnh đá lởm chởm. Bọt nước bị cơn gió mạnh buổi chiều thổi tung lên thành một vệt dài trắng xóa trên nền cát đã ngả sang màu nâu loang lổ.

Trên bao lon của một căn nhà sang trọng bên bờ biển, cụ Sửu vẫn ngồi bất động mắt nhìn vào khoảng không gian vắng lặng với tiếng sóng vỗ rì rào, thỉnh thoảng xen lẫn tiếng chim hải âu gọi ríu rít gọi đàn. Một ngày hôm nay, kể từ khi cụ đi thăm chốn xưa, quê cũ trở về, đám con cháu thấy cụ không còn vui vẻ như hồi nào. Cụ ngồi yên bất động mơ màng chìm đắm trong một cõi mơ hồ, huyền hoặc nào đó. Cụ chăm chăm nhìn vào một chậu lan có những chiếc lá to bản, nhưng tinh thần, tâm trí của cụ hình như ở tận đâu đâu. Đó là chậu lan Hạc Đỉnh, một kỷ niệm của quê hương cũ đã nhắc nhở tới những tang thương biến đổi trong cuộc đời của cụ...



Chuyến về thăm quê hương cuối đời đã khơi lại cho cụ biết bao nhiêu nỗi vui buồn lẫn lộn. Từ trên chiếc phi cơ lượn vòng quanh bầu trời của phi trường Nội Bài, nhìn xuống mảnh đất thân yêu qua ô cửa kính chật hẹp, mắt cụ đã chan hòa với những cảm xúc dạt dào. Cánh đồng lúa dưới cánh phi cơ chỉ còn là những ô vuông màu xanh, nâu vàng hay trắng, những chiếc nhà nhỏ bé như bao diêm bên hàng cây xanh ngắt, một cảnh vật xa vắng từ nửa thế kỷ đã qua.

Ra đón cụ tại phi trường là một đám người y phục chỉnh tề như trong ngày Tết, cụ ngỡ ngác nhìn và cố tìm ra một vài gương mặt quen thuộc ngày nào. Trong số đó có mấy người già râu tóc bạc phơ và vài thanh niên nam nữ quần áo tuy có vẻ lịch lãm nhưng không sao dấu được những nét khắc khổ của cuộc sống bon chen.

Bác Sửu đấy ư? Bác có nhận được em không?

Có phải chú Tuấn đó không? Chú để râu dài quá nên anh khó lòng nhận ra!

Cụ nhận ngay ra được giọng nói quen thuộc của người em ruột, cụ vẫn thường mong nhớ. Nước mắt tuôn trào, cụ ôm lấy người em duy nhất còn sót lại trong gia đình cụ. Mọi người xúm lại chào, nhưng cụ không còn nghe, còn thấy gì cho đến khi chiếc xe đã rời khỏi phi trường Nội Bài khá xa. Qua khung cửa kính những xe cộ tấp nập và nhà cửa chạy lùi về phía sau tuy nhanh, nhưng cụ đã thấy một sự biến đổi rất nhiều so với nửa thế kỷ trước, khi cụ đành phải bỏ cha mẹ, anh em vào Nam sau khi hiệp định Genève chấm dứt 10 năm gian khổ kháng chiến chống Pháp.

Ngày đó cụ cũng giống như hàng triệu thanh niên yêu nước đã thoát ly gia đình gia nhập Trung đoàn 44 hoạt động tại các tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, dọc theo con đường số 5 nối liền Hà Nội và Hải Phòng. Năm tháng tuy đã phai mờ những kỷ niệm khi xưa, nhưng cụ vẫn không quên anh Sáu Đậu người anh hùng địa lôi tuy hiền lành, ít nói đã đánh tan tành những đoàn xe công voa của Pháp.

Con đường 39 khi xưa chạy qua cánh đồng tam thiên mẫu trải dài cho tới tận chân trời nay chỉ còn là những nhà cửa lô nhô, chiếc sạt ngay ngoài đường, chiếc tụt lùi vào phía trong. Mỗi chiếc một kiểu với bao lon sơn thượng hay mái tôn rỉ sét, nhưng cũng có vài chiếc với mái tròn xa lạ mà người ta gọi là mái củ hành, nhưng tất cả đều giống nhau ở một điểm: chiều ngang chỉ độ 4-6 thước và toàn thể có quá nhiều rác rưởi và những đồng gạch, vôi vữa ngổn ngang.

Trên xe mỗi người hỏi một câu làm ngắt quãng cuốn phim dĩ vãng của cụ và cuối cùng xe đã về tới làng Đoạn đường 60 cây số khi xưa quá dài, nhưng sao bây giờ chỉ có non một tiếng đã về tới. Đây là ngôi làng cũ của cụ hay sao? Cánh đồng đầu làng xưa kia rộng mênh mông nay chỉ còn là một vạt lúa nhỏ hẹp, xanh tươi mon mớn. Cây đa đầu làng cao vút đầu rồi? Những khóm tre sao trông lại sơ sác và tiêu tụy quá vậy?



Đàn bà trẻ con túa ra quanh xe và nhìn cụ như một người lạc đến từ một hành tinh xa lạ. Một người đàn bà lưng còng và đôi mắt sâu hoắm chỉ còn lòng trắng nắm tay cụ hỏi:

Bác có nhận ra em không? Em là Ngâu đây!

Nghe tên Ngâu, cụ không nhận ra được nhưng nhớ rằng người đàn bà này khi xưa là một cán bộ xinh đẹp, nhưng dữ dằn nhất trong cuộc đấu tố phú hào, địa chủ. Nhờ cô có chút cảm tình riêng biệt với cụ, cho nên cụ mới còn sống sót tới ngày nay. Chưa kịp trả lời người 50 năm cũ, họ hàng con cháu đã mời cụ vào một căn nhà nhỏ gần đó với những mâm cơm chờ sẵn. Vài chai rượu mạnh và những đĩa thịt cá ê hề hôm nay chỉ gọi lại cho cụ những ngày tối tăm với bữa cơm đạm bạc của gia đình cụ và của đất nước khi bước vào một giai

đoạn tối tăm, kinh hoàng và thảm khốc nhất trong lịch sử...

Ngày đó cũng như hàng trăm ngàn thanh niên cùng thế hệ, cụ đã lên đường kháng chiến chống Pháp, rồi bỗng nhiên bị giải giới về làng chứng kiến cảnh đấu tố cha mẹ cụ, chỉ vì tội có vài chục mẫu ruộng. May nhờ cô Ngâu tuy dữ dằn kết tội nhưng lại xin nhân dân rộng lượng khoan hồng, cho nên gia đình cụ bị tước đoạt hết tài sản, cha mẹ cụ bị sỉ nhục và mấy trận đòn nhưng thoát chết, riêng cụ bị tước quân hàm đại đội phó và trở thành một kẻ tội đồ không có án.

Cụ nhớ đến cảnh khi rời bỏ căn nhà đã được tổ tiên truyền lại từ mấy đời, cha cụ hai tay còn khư khư ôm lấy chậu lan Hạc Đỉnh mà cha cụ còn quý hơn vàng. Nghe nói cây Hạc Đỉnh này, năm xưa nội tổ cụ đã đem tặng cho cụ Tam Nguyên Yên Đổ, Nguyễn Khuyến, nhân khi cụ Tam Nguyên được Chu Mạnh Trinh, án sát tỉnh Hưng Yên tặng cây hoa trà. Lúc đó cụ Nguyễn Khuyến đã bị mù cả hai mắt, nên mới có giai thoại và bài thơ sau:

*Tết đến người cho một chậu trà
 Đương say ta chẳng biết rằng hoa
 Da môi tóc bạc, ta già nhĩ!
 Áo tía đai vàng, bác đấy a?
 Mưa nhỏ những khinh phùng xô lá
 Gió to, luống sợ lũ dơi già
 Xem hoa, ta chỉ xem bằng mũi
 Đếch thấy mùi thơm, một tiếng khà!*

Sở dĩ có chuyện tặng cây lan Hạc Đỉnh, vì hương thơm dịu dàng thoang thoảng, hoa tuy đẹp nhưng lúc nào cũng rủ xuống chứ không phải là “Hữu sắc vô hương” như bông hoa trà mà Chu Mạnh Trinh đã ác độc đem tặng một người mù.



Sau khi cụ Nguyễn Khuyến qua đời, cây lan đã được con cháu cụ hoàn lại cố chủ.

Cụ còn nhớ rõ khi cha cụ bưng chậu lan đi theo, cô Ngâu còn nói:

Chết đến đít mà hầy còn không chừa cái thói trượng giả!

Sau mấy ngày lưu lại nơi chôn rau cắt rốn, xây dựng lại mồ mả tổ tiên, cụ Sửu cảm thấy không còn gì để lưu luyến với nơi cụ đã sinh ra lớn lên trong thời thơ ấu. Người em thân yêu của cụ luôn than thở kể lể những khó khăn điều đứng nhục nhã của gia đình phải hứng chịu, khi cụ bỏ trốn ra đi mà không hề hỏi một câu để biết rằng cụ đã sống ra sao, đã làm gì để vượt qua những khó khăn ở nơi đất lạ quê người. Trước mắt họ, cụ là một người giàu sang phú quý, cụ phải có trách nhiệm với họ, nói cách khác là cụ mắc nợ họ, một món nợ cả tinh thần lẫn vật chất.

Mảnh đất cũ của gia đình cụ, nay là nơi tá túc của trên một chục gia đình với những căn nhà tuy xây bằng gạch với mái ngói nhưng diện tích chỉ bằng chiếc miếu nhỏ bên đường. Phần lớn các gia đình đều có đèn điện, máy truyền hình và lát đất vài nhà có đường giây điện thoại. Họ tự hào và tự mãn với những gì hiện có, nhưng họ đâu có biết rằng cuộc sống hiện tại cũng chẳng khác hơn những người ở miền Nam 30 năm về trước. Tội nghiệp hơn cả là trên bàn thờ, ngoài di ảnh những người anh em con cháu đã hy sinh trên chiến trường lại có cả hình ảnh của chính con người đã đầy biết bao nhiêu thanh niên yêu nước hy sinh oan uổng cho một chủ nghĩa ngoại lai...

Trong ngôn từ giao tiếp, cụ thấy có nhiều chữ nghĩa lạ tai, tuy bóng bẩy nhưng vô nghĩa hay phản nghĩa. Hỏi một cô cháu gái Hiệu trưởng một trường Trung học cấp 2 về việc tại sao có sự phát âm sai lầm giữa L và N chưa từng có ở địa phương. Cô cháu giải thích:

Cụ ơi! Ông Tỉnh nói sao, ông Huyện cũng phải nói như vậy, chúng cháu tuy biết rằng sai nhưng cũng đành phải nói theo. Nếu không kéo lại bị dèm pha là chê người ta dốt, mất việc dễ như chơi. Dần dà thành ra quen miệng cũng như chúng ta nói mặt trăng với mặt giăng vậy?

Lên Hà Nội để tìm lại các bạn năm xưa, phần lớn họ đã hy sinh trong những trận chiến khốc liệt tại khu chiến Hải Hưng, đèo Bông Lau hay Điện Biên Phủ, phần khác vì thiếu thuốc men, dinh dưỡng. Gặp nhau ở quán chả cá Lã Vọng với chiếc cầu thang ọp ẹp của 50 năm về trước, vẫn trong mùi khói than khen khét và mùi mắm tôm quyện lẫn trong không khí tạo thành một hương vị đặc trưng. Bạn của cụ, tất cả những người còn sống đều đã từ giã chức vụ cao cấp trong quân đội. Gặp nhau dù vào tuổi đã trên dưới 80 mà vẫn mày tao chi tở như xưa. Hỏi thăm bạn về gia cảnh và đời sống hàng ngày, một người chua chát nói:



Mày thực là may mắn, như áng mây trắng bay trên bầu trời xanh ngắt, còn chúng tao như cánh bèo trôi trên mặt nước hồ thu.

Cụ cười xòa:

Nói làm chi những lời cay đắng đó, mây cũng sắp tan, bèo cũng sắp chìm! Chúng ta còn may mắn gặp nhau, thôi thì hãy nâng chén cạn ly mừng cho nhau hãy còn sống sót qua những cơn tang thương biển cả!

Ghé vào tai anh bạn ngồi cạnh, cụ thì thào:

Tiên sư bố chúng mày! Nếu ngày đó tao không bị giải giới thì tao cũng như chúng mày mà thôi!

Ngày hôm sau cụ được bạn bè rủ đi thăm một người bạn đã bị cụt một chân trong trận công đồn đã viện ở Kê Sắt. Ngày nay anh là chủ nhân giàu có của một vườn cây cảnh và hoa lan tại Việt Trì. Ngay lối vào, những chậu cây cảnh to lớn dẫn vào một ngôi nhà toàn là danh mộc, Khang trang lộng lẫy.

Người bạn ôm lấy cụ nước mắt nghẹn ngào:

Năm đó nếu không nhờ có anh công em ra khỏi giao thông hào thì em đã bỏ xác trong đám dây thép gai rồi còn gì và nếu không có anh gửi gắm với họ hàng em làm gì còn có ngày nay.

Lục trong trí nhớ, cụ mới sực nhớ ra rằng trong lúc khói lửa mịt mù đêm đó, cụ đã cứu một đồng đội bị thương nặng, sau đó gửi gắm cho người chú họ xa, rồi lại theo đoàn quân rời đi nơi khác. Anh bạn năm xưa cuống quýt gọi vợ con ra chào và cụ mới biết rằng cô em họ của cụ cảm thương người thương binh nặng lòng vì nước nên đã chăm nom săn sóc và gá nghĩa vợ chồng. Sau năm 1956, vì cũng thuộc vào thành phần tư sản, nên gia đình ông chú bắt buộc phải di cư lên Phú Thọ phá rừng trồng ngô sắn. Vốn ưa thích cây cảnh cho nên ông chú của cụ đã mang những gốc cây cổ thụ đã bị đốn ngã về trồng và ngày nay mảnh đất cần cỗi đã trở nên vườn cây tươi tốt, bên cạnh nương khoai sắn xanh um.



Sau năm 2000, những cây cảnh này là những quý vật dành cho các bậc quyền thế. Những cây lan thường bám ở trên đám cây cỏ thụ bị đốn ngã bị bỏ lay bỏ lóc dưới nắng mưa cũng được mang về chăm bón. Không biết nhờ nước mưa hay nước con sông Lô bắt diệt với bài trường ca của Văn Cao hay với bàn tay khối óc của cô em họ mà trở nên tươi tốt. Cô em họ xinh đẹp ngày nào, nay đã là một bà lão tóc trắng da môi, nhăn nheo với cái tuổi thất tuần. Cô tâm sự:

Chồng em tuy tật nguyên, nhưng đó là cứu tinh của gia đình em. Khi lên đây nhờ vì anh là thương binh cho nên gia đình được đãi

ngộ và chúng em mới có mảnh đất này. Mới đầu tuy có khó khăn cực nhọc nhưng nhờ nó chúng em mới có của ăn, của để và con cháu mới được ăn học nên người...

Dẫn cụ đi một vòng quanh trang trại rộng mênh mông. Không khí êm dịu của những tàn cây rợp bóng, từ gốc tới ngọn bám đầy những chùm phong lan với hình thể, hoa lá khác nhau. Những khóm địa lan hoa lá tốt tươi làm cụ nhớ tới cây lan năm xưa. Cụ đưa mắt nhìn quanh rồi hỏi:

Ở đây cô có trồng lan Hạc Đỉnh hay không?

Thưa bác, chúng em có nhiều lắm! Loài lan này hoa đẹp và thơm lại dễ trồng cho nên bán cũng được giá.

Nhìn những khóm lan yêu quý, cụ trạnh lòng liên tưởng đến những hình ảnh buôn bán hoa lan như bó rơm bó rạ mà đau lòng. Nhưng đó chỉ là chuyện nhỏ, chuyện lớn về giang sơn đất nước và lòng người mới là mối nỗi đau lòng không sao tả siết.

Trước đây cụ dự tính sẽ về quê hương sinh sống cho gần người em ruột thịt, gần cánh đồng lúa xanh tươi, nơi đó chính là nơi chôn rau cắt rốn và vì nơi đó hãy còn mồ mả tổ tiên, ông bà cha mẹ. Nhưng tất cả đã đổi thay, không những từ bề ngoài cho đến bên trong, cảnh vật êm đềm ngày xưa cũ chẳng còn, nhưng đó cũng chẳng phải là điều cụ bận tâm. Cụ biết rằng khi văn minh cơ giới đi vào đời sống, mọi phương diện hẳn là phải thay đổi, nhưng sự thay đổi này đã làm cho đời sống vật chất tuy có khá hơn trước, nhưng đạo đức suy đồi trầm trọng.



Những điều tai nghe mắt thấy làm cho cụ thất vọng quá nhiều, cụ không còn tin tưởng ở một xã hội hiện tại.

Trên chuyến phi cơ từ Đài Loan trở về Việt Nam có khoảng hơn chục cô gái tuổi từ 20-30 trở về thăm nhà. Khi nghe họ phàn nàn về nỗi cơ cực nuôi chồng già ốm, có cô còn phải phục vụ thân xác cho anh em nhà chồng và kể cả ông bố chồng nữa. Cụ hỏi:



Tại sao các cô không tìm một người tử tế cùng nhau xây dựng gia đình dù có đôi khổ cũng còn hơn là phải đọa đầy tâm thân như vậy ?

Có lẽ ông đi xa nhà đã lâu nên không biết đó thôi! Chứ con trai bây giờ chúng nó ăn chơi quá đáng. Lấy nó, ban ngày phải làm ăn cực nhọc nuôi nó, chiều về phải có rượu chè cho nó, tối đến phục vụ nó như một con đĩ. Không có nó đánh học máu mồm chứ bấu gì. Thà liều mình lấy người ngoài, may ra còn được ấm tấm thân, ít ra cũng còn có được chút tiền báo hiếu cho cha mẹ!

Trong chuyến viếng thăm Quảng Bình, cụ thấy một em nhỏ chừng 7-8 tuổi, có lẽ sau khi tan trường hầy còn mặc đồng phục đi đánh giày. Cụ thương hại gọi lại và sau khi xong cụ cho một tờ 10.000 \$, nhưng cảm thấy bất nhẫn mà không biết làm gì được khi thấy một thanh niên ăn bần bảnh bao gọi em lại, và em nhỏ riu riu móc tờ 10 ngàn trao ra. Hắn ta thản nhiên cầm lấy, ung dung huýt sáo vui vẻ ra đi chẳng thèm để ý tới nét mặt tiu nghỉu của câu bé và sắc mặt giận dữ của cụ.

Chưa hết, khi rời làng cũ, cụ còn muốn đi một vòng thăm ngôi trường cũ ở huyện bên cạnh. Phía trước chiếc xe cụ mượn là một chiếc xe chở đá nghênh ngang giữa con đường chật hẹp chỉ đủ cho một chiếc xe, rồi bỗng nhiên dừng lại, đồ đá xuống giữa đường rồi lạng lẽ lăn bánh. Cụ thắc mắc hỏi người tài xế, anh ta thản nhiên nói:

Bác cứ yên chí. Chẳng lâu đâu!

Điều anh vừa mới nói đã được một đoàn người trong xóm thực hiện ngay tức thì. Họ ngang nhiên xúc đá gồng gánh mang đi. Cụ hỏi một người đứng gần:

Đá của ai mà họ lại lấy như vậy?

Của nhà nước chứ còn của ai nữa!

Vậy ủy ban đâu? Công an đâu mà để họ lấy như vậy?

Kia kia cái chị mặc áo len đỏ là vợ anh công an và bà già chít khăn mỏ quạ nâu là mẹ anh chủ tịch xã đó.

Vậy họ lấy làm gì những cục đá vụn đó!

Của công, thì họ cứ lấy, còn làm gì thì chưa biết, nhưng thế nào cũng bán được ít nhiều...

Cụ tự hỏi cơ sự gì đã làm cho giang sơn thay đổi từ một xã hội có nếp sống lễ nghĩa, mà nay chỉ còn là một cuộc sống giành giật, bao che? Nhẹ thì lường gạt lẫn nhau, nặng thì vu oan gia họa, hãm hại, chém giết lẫn nhau. Bom không còn rơi, đạn không còn nổ nhưng cảnh nồi da nấu thịt và bóc lột lẫn nhau vẫn còn tiếp diễn dưới nhiều hình thức khác. Thực dân, tư bản cuốn gói ra đi nhưng bỗng ngang nhiên trở lại. Phong kiến, cường hào ác bá tuy đã bị dẹp tan nhưng lại nảy sinh ra nhiều giai cấp và quan liêu hách dịch gấp trăm lần khi trước.

Chuyện đau buồn ở VN quá nhiều và quá dài như chuyện Nhân dân tự vệ, từ những chuyện bên ngoài như nhượng biển, thuê đất, xua ngư dân ra biển cho bọn giặc Tàu húc chìm mà không dám phản kháng mà lại còn gọi là “tàu lạ”. Chuyện bên trong thì bè phái tham nhũng lan tràn, trấn áp những người bất đồng ý kiến hay dân oan khiếu kiện khắp nơi. Nực cười thay, lực lượng Công An là để gìn giữ trật tự theo luật pháp nhưng lại dùng côn đồ để tiếp tay trấn áp dân lành.



Thế mà hầu như cả nước vẫn chìm đắm trong những bữa ăn nhậu tung bưng. Từ tỉnh thành cho đến quận huyện, cho từ trong nhà ra ngoài ngõ hẻm nơi nào cũng có bia rượu tràn lan. Kèm theo đó là những dịch vụ “tươi mát” lan tràn khắp nơi khắp chốn, cho nên những người ngoại quốc và cả “Việt Kiều” về thăm nhà đều có một câu hỏi:

Với đồng lương ít ỏi, vậy thì tiền ở đâu ra mà người ta ăn nhậu say sưa, chơi bời trác táng như vậy?

Thật là buồn cho đất nước, cho nhân dân Việt Nam một thời lễ nghĩa đôn hậu, mà ngày nay trở thành một xã hội hỗn loạn. Hạt giống mà Hồ Chí Minh trồng mới có 70 năm mà xã hội đã được như vậy thì không biết tương lai đất nước của chúng ta sẽ đi về đâu?

Cụ chỉ mong lương tri và nhân bản con người vẫn còn tồn tại, nhưng phong hóa suy đồi, lễ nghĩa xuống cấp quá độ không biết phải đợi đến bao giờ mới khôi phục lại được...

Myrth Beach, S. Carolina 4-2016

Nguyễn Hữu Danh